TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 430/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2017
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Toại

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thân

2. Ông Lưu Bình Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:
Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trúc Q; sinh năm: 1975; hộ khẩu thường trú: 102/17/15C đường T, Phường 15, Quận M, Thành phố H; tạm trú: 155A đường L, Phường M, Quận M, Thành phố H; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Vũ Anh T; sinh năm: 1982; hộ khẩu thường trú: 6C đường H, Phường M, Quận N, Thành phố H; tạm trú: 155A đường L, Phường M, Quận M, Thành phố H; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

➢ Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2016, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Nguyễn Trúc Q - trình bày:

- Ông Q và bà Vũ Anh T kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65, đăng ký ngày 18/11/2011.

- Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính cách không hòa hợp, vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau. Từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả và bất đồng. Nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Trúc Q đề nghị được ly hôn với bà Vũ Anh T.

+ Về con chung: không có.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không có.

➢ Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng, triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng bị đơn - bà Vũ Anh T - vắng mặt không rõ lý do.

➢ Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Hội đồng xét xử, Thẩm phán và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tuy nhiên, Thẩm phán chưa thực hiện đúng một số thủ tục tố tụng:

- Vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Qua các phiên họp ngày 07/4/2017 và ngày 30/5/2017, do bị đơn vắng mặt nên Thẩm phán lập biên bản hòa giải không được mà không lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Bị đơn chưa chấp hành, vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.

- Về nội dung: qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trúc Q là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Trúc Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Vũ Anh T, đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, bà T hiện đang cư trú trên địa bàn Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn:

2.2 Ngày 30/7/2017, nguyên đơn - ông Nguyễn Trúc Q - có văn bản gửi Tòa án xin vắng mặt tại phiên tòa do bận công việc cá nhân và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông. Do vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn.

2.2 Trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập tham gia hòa giải, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham dự phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa đều đã được niêm yết công khai đúng theo quy định. Tuy nhiên, trong cả hai lần Tòa án mở phiên tòa, bà T đều vắng mặt mà không rõ lý do. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bà T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 65, đăng ký ngày 18/11/2011 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố H, thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Trúc Q và bà Vũ Anh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định, trong đó có văn bản thể hiện rõ yêu cầu ly hôn của ông Q, nhưng bà T không hề có ý kiến phản hồi và việc không đến Tòa án tham gia vào việc giải quyết vụ án cũng thể hiện rằng bà T không có thiện chí đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình. Đồng thời, theo thông tin mà Công an Phường M, Quận M cung cấp, thì ngày 27/9/2016 bà Vũ Anh T có đăng ký tạm trú nhưng không thường xuyên cư trú tại 155A đường L, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; điều này cũng cho thấy cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc. Do vậy, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận việc ông Q yêu cầu được ly hôn với bà T.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: ông Q khai không có và bà T không có ý kiến phản hồi, nên ghi nhận.

[4] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11:

4.1 Việc Thẩm phán vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ý kiến này là đúng.

4.2 Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chỉ quy định thủ tục và nội dung của phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chứ

không có quy định đây là thủ tục bắt buộc phải thực hiện. Mặt khác, việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là nhằm cho đương sự biết các tài liệu, chứng cứ mà phía đương sự kia giao nộp để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định; nhưng trong các ngày 07/4/2017 và ngày 30/5/2017, bị đơn - bà Vũ Anh T - vắng mặt, nên việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là không cần thiết, vì đương nhiên nguyên đơn - ông Nguyễn Trúc Q - biết các tài liệu, chứng cứ mình đã giao nộp cho Tòa án.

[5] Về án phí: ông Nguyễn Trúc Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng do ông Q đã nộp được cấn trừ vào số tiền án phí phải chịu, ông Q còn phải nộp thêm 100.000 đồng, việc nộp tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 271, Điều 273, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trúc Q.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Trúc Q được ly hôn với bà Vũ Anh T (Giấy chứng nhận kết hôn số 65, đăng ký ngày 18/11/2011 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố H không còn giá trị).

1.2 Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có.

2. Ông Nguyễn Trúc Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được cấn trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0003723 ngày 30/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Trúc Q còn phải nộp thêm 100.000 đồng, việc nộp tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Quận 11;
- UBND Phường M, Quận N, TPHCM;
- Lưu: văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Toại